

しよあけ

はじめての
にほんご教室

2026/12/5



2027/2/6

どうぶ・9かい

2026-12							2027-1							2027-2						
月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日
	1	2	3	4	5	6					1	2	3	1	2	3	4	5	6	7
7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10	8	9	10	11	12	13	14
14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17							
21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24							
28	29	30	31				25	26	27	28	29	30	31							

*2027/1/2はやすみ
 *No class on Jan. 2, 2027
 *Fechado em 2/1/2027
 *Ngày 2/1/2027 nghỉ
 *1月2日 休暇停课



13:30 - 16:30 (1:30 pm - 4:30 pm)

なんじ?

16さいいじょう・にほんごが あまり わからないひと

Ages 16 and up. Little to no Japanese proficiency.

Từ 16 tuổi trở lên • Người hầu như chưa thể nói được tiếng Nhật.

16 anos ou mais • Pessoa que não sabe nada ou não entende muito o japonês

16岁以上，不懂日语或只会说一点日语的人。



だれ?



なんにん?

にんずう：20にんまで - はやく もうしこみを したひとが さんかできます

capacity: 20 participants - First-come, first-served

Limite: 20 pessoas - Por ordem de inscrição

Số lượng: 20 người - Ưu tiên những người đăng ký sớm

限20人 - 按报名先后顺序录取

こどもを あずけることができます

①1-10さいまで ②にんずう：10人まで - はやく よやくしたひとが こどもを あずけることができます

Childcare: ①Available for children aged 1 to 10. ②Capacity: 10, reservation required (first-come, first-served)

Có dịch vụ trông trẻ: ①Bạn có thể gửi con tại đây / Độ tuổi 1-10 tuổi

②Số lượng: 10 - Ưu tiên dịch vụ trông trẻ cho những người đăng ký sớm

Cuidados infantis: ①Disponível para crianças de 1 a 10 anos.

②Limite: 10 crianças - Reserva obrigatória e por ordem de inscrição.

托儿服务: ①対象：1歳至10歳児童

②限10人 - 需提前预约 (按报名先后顺序受理)



どこ?



Karatto P

Futamura dai 1-27,
Toyoake-shi

Apply HERE

Đăng ký ở đây

Inscreva-se aqui

在此报名

もうしこみ



れんらくさき / 联系信息
 Contact Information
 Contato / liên hệ



090-8523-0776



toyoake2026@gmail.com



令和8年度
 「地域日本語教育の総合的な体制づくり推進事業」活用

主催：愛知県 共催：豊明市 協力：UR都市機構
 受託団体：一般社団法人オクシモロフズ

Japanese for Beginners

Aula de japonês pela primeira vez

Lớp học tiếng Nhật cho người mới bắt đầu

日语入门班

はじめての にほんご教室

じぶん せいかつ にほんご
自分のことや生活のことを日本語ではなしましょう

Let's introduce ourselves in Japanese 让我们用日语做自我介绍！

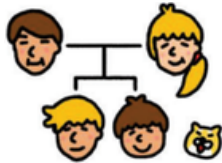
Vamos aprender a conversar em japonês sobre você e seu cotidiano!

Cùng trò chuyện bằng tiếng Nhật về bản thân và cuộc sống hàng ngày

たとえば



Jikoshookai
じこしょうかい
自己紹介



Kazoku
かぞく
家族



Shusshinchi
しゅっしんち
出身地



Tabemono
たべもの
食べ物



Boosai
ぼうさい
防災

きく

はなす

こうりゅうする



にほんご はな ちゅうしん きょうしつ ぶんぽう たいさく
日本語で話すことが中心の教室です 文法やJLPT対策はしません

No grammar lessons or exam preparation.

Estudaremos sem focar na gramática e JLPT.

Trong lớp học này, chúng ta sẽ không học ngữ pháp hay ôn thi. 本课程不进行语法或应试学习。

もうしこみ



① QRコード

または



② Eメール

toyoake2026@gmail.com

もうしこみ



- (1) なまえ
- (2) じゅうしょ (すんでいるところ)
- (3) TEL
- (4) ねんれい
- (5) くに・ちいき
- (6) 在留資格 (ざいりゅうしかく)
- (7) たくじ きぼうしますか

¥0

ばしょ



豊明市共生交流プラザ

Karatto

Futamuradai 1-27

Toyoake-shi

Ex. Karatake Elementary School

